

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11

BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. ĐỌC HIỂU:

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi:

THÈ NGUYỄN

(Trích Truyện Kiều)

Cửa ngoài vội rủ rèm the,

Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.

Nhặt thưa (1) gương (2) giọi đầu cảnh,

Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh (3) hắt hiu

Sinh vừa tựa án (4) thiu thiu,

Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê

Tiếng sen (5) sẽ động giấc hòe (6),

Bóng trăng đã xế hoa lê (7) lại gần.

Bâng khuâng đỉnh Giáp non thần(8).

Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

Nàng rằng: “Khoảng vắng đêm trường,

Vì hoa nên phải trở đường tìm hoa.

Bây giờ rõ mặt đôi ta,

Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?”

Vội mừng làm lễ rước vào,

Đài sen (9) nổi sập lò đào (10) thêm hương.

Tiên thê (11) cùng thảo một chương,

Tóc mây (12) một món dao vàng(13) chia đôi.

Vàng trắng vằng vặc giữa trời,

Đình ninh hai miệng một lời song song

Tóc tơ (14) căn vặn tác lòng,

Trăm năm tạc một chữ đồng (15) đến xương.

Chú thích:

(1) Nhật thừa: (nhật: mau, dày) chỉ ánh trăng chiếu xuyên qua lá cây tạo thành những khoảng sáng không đều nhau, chỗ sáng nhiều chỗ sáng ít.

(2) Gương: ở đây chỉ mặt trăng.

(3) Trướng huỳnh: xưa có người nhà nghèo không có đèn để đọc sách, phải bắt đom đóm làm đèn học. Do đó, trướng huỳnh được dùng chỉ phòng học của nho sinh, đồng thời gợi ý hiếu học. Cả câu ở đây ý nói : nhìn từ bên ngoài vào thấy ánh sáng đèn từ phòng học của Kim Trọng lọt ra diu diu.

(4) Ân: cái bàn học xưa.

(5) Tiếng sen: tiếng bước chân nhẹ nhàng của người đẹp.

(6) Giác hòe: Từ điển tích Thuần Vu Phần uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hòe, rồi mơ thấy mình ở nước Hoè An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển. Sau bằng mắt tỉnh dậy thì hoá ra đó là giấc mộng, thấy dưới cành hòe phía

nam chỉ có một tổ kiến mà thôi. Từ đó điển này có ý: phú quý chỉ là một giấc chiêm bao.

(7) Hoa lê: hoa cây lê, ở đây chỉ người đẹp.

(8) Đinh Giáp non thần: bài Phú Cao Đường của Tống Ngọc kể rằng vua nước Sở chơi đất Cao Đường nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp, hỏi ở đâu, người đó nói là thần nữ núi Vu Giáp. Non thần: thần núi ấy. Cả câu có nghĩa là Kim Trọng cảm thấy Kiều xuất hiện như là thần nữ của núi Vu Giáp.

(9) Đài sen: cái đài hình hoa sen để đặt cây nến.

(10) Lò đào: cái lò hương hình trái đào. Cả câu ý nói Kim Trọng đặt thêm nến sáp cho thêm sáng, thắp thêm hương cho thêm thơm.

(11) Tiên thê: (tiên: tờ giấy) tờ giấy viết lời thề.

(12) Tóc mây: tóc xanh như mây.

(13) Dao vàng: chỉ con dao quý, cũng có thể đây chỉ là phép tu từ thuần túy khi tả con dao mà Kiều và Kim Trọng dùng để cắt tóc thề nguyên, giống như trường hợp bút hoa, lệ hoa, thêm hoa,...

(14) Tóc tơ: chỉ những điều chỉ li, tỉ mỉ.

(15) Chử đồng: chử đồng tâm, đồng lòng.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Các từ vội, xăm xăm, băng được bố trí như thế nào và có hàm nghĩa gì?

.....
.....
.....
.....

Câu 3. Ghi lại những câu thơ miêu tả ánh sáng trong trích đoạn. Nhận xét về dụng ý của tác giả trong việc thay đổi sắc độ ánh sáng từ đoạn đầu đến đoạn cuối trong đoạn trích

.....
.....
.....
.....

Câu 4. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong những câu thơ sau? Nêu tác dụng

"Vùng trắng vắng vặc giữa trời,
Đình ninh hai miệng một lời song song.
Tóc tơ cân vắn tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương."

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5. Viết đoạn văn khoảng 10 – 12 câu phân tích quan niệm tình yêu của Nguyễn Du được thể hiện trong trích đoạn Thề nguyện.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. VIẾT

Viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích, đánh giá đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của đoạn trích Thề nguyện trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

